

Số: 13 /2020/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 13 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND-VHXX ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng được quy định Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025.

b) Đối tượng áp dụng

Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp,



ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (không bao gồm người dân tộc thiểu số, người đang sinh sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ).

Khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế sẽ áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30% mức đóng thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%;

b) Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách Trung ương hỗ trợ 30%;

c) Hỗ trợ 10% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (không bao gồm người dân tộc thiểu số, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ) ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách Trung ương hỗ trợ 30%.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Mức hỗ trợ trên, do địa phương cân đối từ các nguồn kinh phí để hỗ trợ thêm ngoài mức Trung ương đã hỗ trợ cho các nhóm đối tượng trên theo quy định. Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ thì hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Được cân đối bố trí sử dụng theo thứ tự ưu tiên các nguồn như sau:

1. Nguồn kết dư quỹ bảo hiểm y tế hằng năm (nếu có).
2. Huy động các nguồn tài trợ, viện trợ hợp phác khác (nếu có).
3. Nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

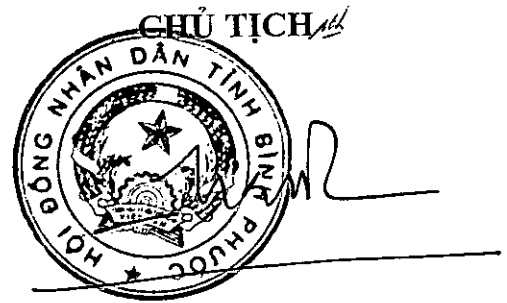


Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Hằng

